TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09/9/2021
V/v "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Loan.
2. Ông Nguyễn Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Văn Tuấn- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa***: bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TL.ST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06.7.2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20.8.2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn B**,** sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn H, xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam. "*Có mặt".*

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Yến N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. "*Vắng mặt*".

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2021, bản trình bày ngày 22/4/2021 và tại phiên toà hôm nay, anh Trần Văn B trình bày: Anh và chị Hoàng Yến N cưới nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2014; đăng ký kết hôn lại tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là tình cảm không còn. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không hòa hợp được. Hiện nay cả hai đã không còn chung sống với nhau, bản thân cũng không còn tình cảm với vợ. Anh B đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Yến N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015.

Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018.

Sau ly hôn anh B có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015; chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018; cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, qua bản trình bày của chị N về con chung, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 01 cháu. Anh đồng ý giao cả hai con cho vợ nuôi dưỡng nhưng về cấp dưỡng nuôi con anh chỉ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2021 và tại bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2021 chị Hoàng Yến N khai:

Chị và anh Trần Văn B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị kết hôn vào năm 2014 đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng 02 năm gần đây cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với gia đình. Nay anh B yêu cầu giải quyết ly hôn tôi không đồng ý vì hiện nay các con còn nhỏ hay đau ốm, bản thân tôi cũng hay đau ốm; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của anh Trần Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015.

Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015 và cháu Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018; yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 cháu.

Về tài sản chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh B. Về con chung giao cả hai cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015; Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng anh B cấp dưỡng nuôi con

tên Trần Hoàng Yến T1 mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Hoàng Yến N có nơi cư trú tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Hoàng Yến N kết hôn vào năm 2014 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam trên tinh thần tự nguyện, nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2019 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh B và chị N không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2019 đến nay; Xét thấy anh Trần Văn B và chị Hoàng Yến N hiện đã không còn chung sống với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, anh B yêu cầu giải quyết ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải thì chị N cố tình trốn tránh không tham gia các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Văn B yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Yến N là có căn cứ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Hoàng Yến N có 02 con chung tên Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015; Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018 hiện nay các cháu đang sống chung với mẹ, anh B thống nhất giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng Yến T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy hiện tại cháu Trần Hoàng Yến T1 và Trần Hoàng Yến T2 còn quá nhỏ cần phải có sự chăm nom, chăm sóc trực tiếp từ mẹ, mặc khác tại các bản trình bày chị N cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con. Do đó, để đảm bảo về việc chăm sóc các cháu và sự ổn định nên giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng/ tháng. Anh B chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cháu Trần Hoàng

Yến T1, sinh ngày 21/6/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 110 cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, Chị N trực tiếp nuôi cả hai con, do đó anh B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh B có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T1 trưởng thành là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh B và chị N trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn B được ly hôn chị Hoàng Yến N.

2. Về con chung: có 02 con chung:

Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015.

Trần Hoàng Yến T2, sinh ngày 24/8/2018.

Giao cả hai con cho chị Hoàng Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng Yến T1, sinh ngày 21/6/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2021 đến khi cháu Trần Hoàng Yến T1 tròn 18 tuổi và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh Trần Văn B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005086 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Anh Trần Văn B còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng).*

Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*09/9/2021*). Chị Hoàng Yến N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Hội An;
- UBND xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên
- Thành phần tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIEN TOA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn